

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 28-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Liễu Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Yên;

Ông Lương Đông Hưng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mã Thị Kim Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 06/2022/QĐ-TA ngày 24 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng K (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 14 tháng 4 năm 1994 tại huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C2, xã B, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 (sinh năm 1966) và bà Nông Thị Đ (sinh năm 1967); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, tại Bản án số 58/2015/HSST ngày 22/7/2015, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 04 năm tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, chấp hành xong ngày 15/01/2018, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/3/2022, tạm giam từ ngày 19/3/2022 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vi Văn D2; sinh năm 1990; vắng mặt.

2. Chị Dương Thị C3; sinh năm 1991; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn C2, xã B, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Đình G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng K sử dụng chất ma túy từ đầu năm 2021 đến nay. Khoảng 08 giờ ngày 16/3/2022, Nguyễn Trọng K một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1-230.** đi từ thôn C2, xã B, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn đến thôn T1, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đi trên Quốc lộ 4A đoạn thuộc thôn T1, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gần Trường trung học cơ sở xã T2 thì gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ); qua trao đổi, Nguyễn Trọng K đã mua với người đó 200.000 (hai trăm nghìn) đồng được 02 (hai) gói ma túy. Nguyễn Trọng K cầm 02 (hai) gói ma túy trong lòng bàn tay trái điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đi được khoảng 300m thì gặp Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ, tổ công tác đã kiểm tra, phát hiện và đưa Nguyễn Trọng K cùng tang vật đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định.

Tổ công tác đã thu giữ của Nguyễn Trọng K: 02 (hai) gói giấy chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu bằng chữ viết tay “QT Nguyễn Trọng K”; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng K; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu JUPITER màu xanh đen biển kiểm soát 12D1-230.**, xe cũ đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 113/KL-KTHS ngày 17/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “Chất bột màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,171 gam (đã trừ bì)”.

Ngày 06/5/2022, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-230.46 cho chị Dương Thị C3.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-230.46: Anh Vi Văn D2 và chị Dương Thị C3 (là vợ chồng) đều thống nhất chiếc xe là của chị Dương Thị C3. Chị Dương Thị C3 đi làm để xe ở nhà cho anh Vi Văn D2 sử dụng. Ngày 16/3/2022, anh Vi Văn D2 cho Nguyễn Trọng K mượn xe đi có việc. Anh Vi Văn D2 và chị Dương Thị C3 đều không biết Nguyễn Trọng K sử dụng xe đi mua ma túy, anh, chị đều đề nghị trả xe cho chị Dương Thị C3 và đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Dương Thị C3 đã được trả lại chiếc xe mô tô và không có yêu cầu gì.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Đình G khai được chứng kiến việc bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng đã truy tố; bị cáo thừa nhận bản thân tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-230.** là của chị Dương Thị C3, bị cáo hỏi mượn xe với anh Vi Văn D2 là chồng chị Dương Thị C3. Chị Dương Thị C3 và anh Vi Văn D2 không biết bị cáo mang xe đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả xe cho chị Dương Thị C3, bị cáo nhất trí không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K từ 15 tháng đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, toàn bộ các vỏ bao gói; trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trong hồ sơ, đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 09 giờ ngày 16/3/2022, trên Quốc lộ 4A đoạn thuộc thôn T1, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Trọng K bị bắt

quả tang có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) gói ma túy Heroine có tổng khối lượng 0,171 gam với mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gián tiếp gây ra tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với bản thân và xã hội, nhưng chỉ vì để có ma túy thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật và dư luận xã hội, để thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị kết án về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, tuy đã được xóa án tích nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân không tốt; bị cáo sử dụng chất ma túy từ đầu năm 2021 đến nay, điều này thể hiện bị cáo thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh ngày 28/4/2022 của Cơ quan điều tra và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, bản thân nghiện ma túy, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì thư và toàn bộ các vỏ bao gói là vật Nhà nước cấm tàng trữ lưu hành và vật không sử dụng được. Trả lại bị cáo 01 (một) giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-230.**, quá trình điều tra xác định là của chị Dương Thị C3, chị Dương Thị C3 không biết bị cáo sử dụng xe mô tô đi mua ma túy, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Dương Thị C3 là phù hợp với quy định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ, cơ quan điều tra không làm rõ được nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này. Chị Dương Thị C3, anh Vi Văn D2 không biết và không tham gia vào việc tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo nên không đề cập xử lý.

[13] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 16 tháng 3 năm 2022.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: Khối lượng ma túy còn lại sau giám định (0,146 gam chất ma túy Heroine) được để trong một phong bì thư niêm phong ký hiệu bằng chữ viết tay “QT Nguyễn Trọng K ” có dấu của Công an xã T2 tại phần giáp lai và toàn bộ các vỏ bao gói.

3.2. Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng K 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng K.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/6/2022).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của

họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQĐT CA H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA H. V, T. Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA H. V, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. V, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến VA;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh